

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN H**  
**TỈNH BẠC LIÊU**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/DS - ST

Ngày: 13/9/2024

V/v Tranh chấp nghĩa vụ hoàn trả hoa lợi.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hữu Em

2. Bà Ngô Hồng Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Tô Hoàng Kha - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** **Danh Đạt** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện H xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 118/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp nghĩa vụ hoàn trả hoa lợi theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Châu Phi Đô – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh H1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Ông Trần Văn C1, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bà Trần Thị Kiều T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Trần Thị D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Trần Văn H2, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp N xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Trần Văn M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Trần Thị C; Trần Văn C1; Trần Thị Kiều T; Trần Thị D; Trần Văn H; Trần Văn M; Trần Thị N là bà Trần Thị H, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 10 năm 2023), (có mặt).

- Bà Trần Bạch N1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H là nguyên đơn trình bày:* Vợ chồng bà Trần Thị H có 6.000m<sup>2</sup> đất trồng lúa, tại thửa 556, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn T1 khai phá sử dụng sau đó giao lại cho chính quyền địa phương quản lý, đến năm 1972 chính quyền địa phương giao cho ông Phạm Minh Tr (cha của ông Phạm Minh H) sử dụng. Đến 1984 Nhà nước thành lập tập đoàn và phân chia đất theo nhân khẩu. Gia đình ông Tr thừa 6.000m<sup>2</sup> đất nên chính quyền địa phương lấy 6.000m<sup>2</sup> đất của ông T1 mà trước đây giao cho ông Tr sử dụng giao lại cho vợ chồng bà H sử dụng bằng quyết định số 277/QĐ-UB ngày 17 tháng 6 năm 1989 về việc giao đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Bà H sử dụng đến năm 1989 thì ông T1 giành lại sử dụng nhưng không được, bà H tiếp tục sử dụng đến năm 1990 ông Phạm Minh Tr và Phạm Minh H1 chiếm lấy diện tích đất này sử dụng đến năm 1992, sang năm 1993 chính quyền địa phương giải quyết buộc ông H1 trả đất cho bà sử dụng đến nhưng khi bà gieo xạ lúa thì gia đình ông H1 phá và chiếm đất lại sử dụng đến nay. Ngày 01 tháng 01 năm 1996 bà Hai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào theo quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 29/4/1994 của Ủy ban nhân dân huyện H.

Không đồng ý với việc ông Tr và ông H1 chiếm dụng đất của mình vợ chồng bà H yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết từ khi bị chiếm đất đến ngày 29 tháng 3 năm 2023 được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết bằng Bản án số 61/2023/DS-PT tuyên buộc ông H1 và vợ là bà Trần Bạch N1 giao trả diện tích đất tranh chấp cho bà H.

Do bị ông H1 chiếm dụng đất của bà H từ năm 1990 đến năm 2023 nên bà không sử dụng được, vì vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Phạm Minh H1 bồi thường khoản hoa lợi trên đất tổng cộng là 283.200.000 đồng (tính

bằng mức giá thuê đất). Tuy nhiên, sau khi tính toán lại, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hoa lợi là 117.490.000 và chỉ yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 165.710.000 đồng. Cụ thể: Từ năm 1990 đến năm 2000 là 10 năm x 400.000 đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 18.510.000 đồng; từ năm 2000 đến năm 2010 là 10 năm x 600.000 đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 27.600.000 đồng; từ năm 2011 đến năm 2015 là 05 năm x 1.200.000 đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 27.600.000 đồng; từ năm 2016 đến năm 2023 là 08 năm x 2.500.000 đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 92.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

*Bị đơn ông Phạm Minh H1 trình bày:* Nguồn gốc phần đất mà bà H cho rằng ông H1 chiếm dụng là của ông Nguyễn Văn Th khai phá sử dụng sau đó giao lại cho chính quyền địa phương quản lý nhưng không có canh tác. Năm 1973 cha ông H1 là ông Phạm Minh Tr xin và được chính quyền địa phương giao cho 01 phần khoảng 08 công tầm cây để sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1984 thì nhà nước có chính sách đưa đất vào tập đoàn. Theo quy định về chính sách ruộng đất khi đó thì gia đình ông Tr thừa 6.000m<sup>2</sup> đất nên nhà nước mới lấy 6.000m<sup>2</sup> đất tại phần đất nói trên giao lại cho vợ chồng bà H sử dụng. Gia đình bà H canh tác được từ năm 1984 đến 1985, năm 1986 bà H bỏ hoang đất không canh tác, đến năm 1987 ông Tr lấy đất lại canh tác thì gia đình bà H ngăn cản và phá bỏ lúa nên năm này không bên nào canh tác được. Đến năm 1988 thì ông Tr canh tác đất liên tục ổn định đến năm 1990 thì cho lại con là ông H1 canh tác liên tục ổn định không ai ngăn cản, tranh chấp. Quá trình sử dụng đất ông H1 có nhiều lần đi kê khai đăng ký xin cấp quyền sử dụng diện tích đất này nhưng không được cấp quyền sử dụng. Đến năm 2007 thì vợ chồng bà H tranh chấp. Lúc này, ông H1 mới biết đất tranh chấp được cấp quyền sử dụng cho ông K. Ông H1 không đồng ý trả đất nên tranh chấp kéo dài đến năm 2023 được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết bằng Bản án số 61/2023/DS-PT tuyên buộc vợ chồng ông H1 giao trả diện tích đất tranh chấp cho bà H. Ông H1 cho rằng nguồn gốc đất là của cha ông cho nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông bồi thường hoa lợi cho bà H. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Bạch N1 trình bày:* Bà N1 là vợ ông Phạm Minh H1 bà có cùng ý kiến với chồng là không đồng ý trả tiền hoa lợi cho bà H như bà đã yêu cầu. Ngoài ra, không có yêu cầu gì.

*Bà Trần Thị H là người đại diện theo ủy quyền của Trần Thị C, Trần Văn C1, Trần Thị Kiều Th, Trần Thị D, Trần Văn H2, Trần Văn M, Trần Thị N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Trần Thị C, Trần Văn C1, Trần Thị Kiều Th, Trần Thị D, Trần Văn H, Trần Văn M, Trần Thị N không có yêu cầu gì. Nếu yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận thì đồng ý giao lại cho bà H toàn bộ.

*Tại phiên tòa:*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Phần đất có diện tích 6.000 m<sup>2</sup> tại số 556, tờ bản đồ số 13 đất tọa lạc tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu mà nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện buộc ông Phạm

Minh H1 trả tiền hoa lợi trên đất và thời gian 33 năm (*từ năm 1990 đến năm 2023*) đã được Bản án sơ thẩm số 50/2022/DSST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H và Bản án phúc thẩm số 61/2023/DS-PT ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có hiệu lực pháp luật công nhận đất là của vợ chồng bà H. Tại các lời khai và biên bản hoà giải ông H1 đều thừa nhận ông là người sử dụng phần đất từ năm 1990 đến năm 2023.

Theo quy định tại Điều 181 Bộ luật Dân sự 2015 về Chiếm hữu không ngay tình là *việc chiếm hữu mà người chiếm hữu biết hoặc phải biết rằng mình không có quyền đối với tài sản đang chiếm hữu*. Trường hợp này ông H1 hoàn toàn biết rằng mình không có quyền đối với phần đất tại số 556, tờ bản đồ số 13 mà ông chiếm hữu vì phần đất này, ông K (chồng bà H) đã được Nhà nước công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoản 3 Điều 579 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ hoàn trả: *"Người được lợi về tài sản (có nghĩa là chiếm hữu, người sử dụng tài sản của người khác) mà không có căn cứ pháp luật làm cho người khác bị thiệt hại thì phải hoàn trả khoản lợi đó cho người bị thiệt hại"*.

Bà Trần Thị H yêu cầu ông Hiền trả hoa lợi với số tiền là 165.710.000 đồng. Mặc dù tại biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2024 (BL 136) bà H thừa nhận không có căn cứ, chỉ ước lượng giá thuê đất là 400.000 đồng/năm nhưng tại bút lục 109 bà H có cung cấp 01kg lúa khô bằng 5.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn bà H khởi kiện từ năm 1990-2000 ông H1 phải trả 01 năm 400.000 đồng (chưa được 100kg lúa khô) là có căn cứ. Từ năm 2010 đến nay đất canh tác 01 năm 02 vụ (theo ông H1 từ năm 2000 - 2010 năng suất 02 vụ từ 30-40 gia/năm; 2011 nay 55-70 gia/năm), nếu tính theo giá thị trường hiện nay 01kg lúa là 6.800 đồng, 01 gia lúa khoảng 140.000 đồng (01 gia từ 20-22kg), trong khi đó bà H yêu cầu trả tiền hoa lợi (*hoàn trả do được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*) 01 năm 2.400.000 đồng tương với 17 gia lúa (01 từ 55-70 gia lúa) và cũng phù hợp với lời trình bày của các nhân chứng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn Tr1 là hiện nay đất xấu cho thuê khoảng 2.000.000 đồng/công.

Từ những phân tích và các cơ sở luận cứ viện dẫn trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

*Bà Trần Thị H là nguyên đơn và là người đại diện theo uỷ quyền của Trần Thị C; Trần Văn C1; Trần Thị Kiều Th; Trần Thị D; Trần Văn H; Trần Văn M; Trần Thị N trình bày:* Bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hoa lợi là 117.490.000 và chỉ yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 165.710.000 đồng. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác và cũng không bổ sung ý kiến tranh luận gì đối với phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

*Bị đơn ông Phạm Minh H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Bạch N2 trình bày:* Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, không đồng ý trả hoa lợi cho bà H. Ngoài ra, ông bà không có ý kiến tranh luận gì khác.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì các đương thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 117.490.000 đồng và bác yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 165.710.000 đồng. Về án phí bà H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật, bà H thuộc trường hợp người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị H yêu cầu ông Phạm Minh H1 bồi thường hoa lợi cho bà do đất của bà bị ông H1 chiếm dụng trái pháp luật từ năm 1990 đến năm 2023 bằng số tiền 283.200.200 đồng. Như vậy, đây là tranh chấp về nghĩa vụ dân sự mà cụ thể là nghĩa vụ hoàn trả hoa lợi được quy định tại Điều 581 Bộ luật Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quyền khởi kiện của đương sự: Trước đây, ông K (chồng bà H) và ông H1 đã từng xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất và được Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm tại Bản án số 50/2022/DS-ST ngày 18/7/2022 và được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm tại Bản án số 61/2023/DS-PT ngày 29/3/2023. Khi tranh chấp đất, ông K (chồng bà H) có yêu cầu ông H1 thanh toán hoa lợi với số tiền 180.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm (sau khi ông K chết), bà H xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 180.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu ông H1 bồi thường hoa lợi. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà H được quyền khởi kiện lại vụ án yêu cầu ông H1 bồi thường hoa lợi.

[1.3] Về thẩm quyền của Tòa án: Do đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; khi bà H khởi kiện thì bị đơn là ông Phạm Minh H1 có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông H1 thanh toán cho bà số tiền hoa lợi là 283.200.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H có ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hoa lợi là 117.490.000 và chỉ yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 165.710.000 đồng. Việc bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là do bà H tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 117.490.000.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 165.710.000 đồng.

[2.2.1] Bà H cho rằng bị đơn ông Phạm Minh H1 chiếm dụng 6.000m<sup>2</sup> đất của bà không có căn cứ pháp luật trong khoảng thời gian 33 năm (từ năm 1990 đến năm 2023). Do đó, bà yêu cầu ông Phạm Minh H1 bồi thường cho bà khoản hoa lợi trên đất của bà bằng tổng số tiền 165.710.000 đồng. Phần đất mà bà H yêu cầu ông H1 trả hoa lợi là phần đất tại thửa số 556, tờ bản đồ số 13, diện tích 6.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 61/2023/DS-PT ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (bản án có hiệu lực pháp luật và đã được các bên tự nguyện thi hành xong) thì phần đất này được Ủy ban nhân dân huyện H giao cho ông K (chồng bà H) tại Quyết định số 277/QĐ-UB ngày 17/6/1989 về việc giao đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và ông Trần Văn K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 07692/QSĐĐ ngày 01/01/1996.

[2.2.2] Bản thân ông H1 cũng thừa nhận phần đất tại thửa số 556, tờ bản đồ số 13, diện tích 6.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu là phần đất dư ra của gia đình ông so với quy định nhà nước nên Ủy ban nhân dân huyện đã lấy để giao cho vợ chồng bà H vào năm 1984. Như vậy, ông H1 hoàn toàn biết việc phần đất nêu trên không còn thuộc sở hữu của gia đình mình từ thời điểm năm 1984. Đồng thời, vào năm 1990, giữa vợ chồng bà H và gia đình ông Tr (cha ông H1) có xảy ra tranh chấp đối với phần đất này nên ông H1 hoàn toàn biết việc gia đình ông không có quyền đối với phần đất nêu trên. Do đó, căn cứ Điều 181 Bộ luật dân sự thì việc ông H1 chiếm hữu phần đất tại thửa số 556, tờ bản đồ số 13, diện tích 6.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu từ năm 1990 đến năm 2023 là chiếm hữu không ngay tình.

[2.2.3] Về quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định, đất này ông H1 sử dụng để canh tác lúa từ năm 1990 đến năm 2023. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có căn cứ xác định việc ông H1 chiếm hữu không có căn cứ đối với phần đất thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 13, diện tích 6.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp N, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu từ năm 1990 đến năm 2023 là có xảy ra trên thực tế.

[2.2.4] Về hoa lợi bà H yêu cầu ông H1 hoàn trả: Bà Hai tính bằng mức giá thuê đất, cụ thể: Từ năm 1990 đến năm 2000 là 10 năm x 400.000

đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 18.510.000 đồng; từ năm 2000 đến năm 2010 là 10 năm x 600.000 đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 27.600.000 đồng; từ năm 2011 đến năm 2015 là 05 năm x 1.200.000 đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 27.600.000 đồng; từ năm 2016 đến năm 2023 là 08 năm x 2.500.000 đồng/năm/1.296m<sup>2</sup> = 92.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền hoa lợi bà H yêu cầu ông H1 hoàn trả là 165.710.000 đồng. Tại biên bản xác minh người làm chứng ngày 19/8/2024 thì ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Văn Tr1 đều xác định phần đất mà bà H đòi ông H1 trả hoa lợi là đất trũng, đất xấu và giá thuê đất tại khu vực áp N từ năm 2000 đổ về trước là bao nhiêu thì các ông không rõ vì thời điểm đó đất xấu không ai thuê. Riêng giá thuê đất từ năm 2001 đến 2023 thì lời khai các nhân chứng không phù hợp với nhau và thấp hơn với cách tính tiền hoa lợi bà H trình bày. Ngoài các lời khai nhân chứng thì bà H không có chứng cứ gì chứng minh về số tiền hoa lợi bà bị mất trong quá trình ông H1 chiếm dụng đất của bà như bà yêu cầu. Do đó, bà H không có căn cứ chứng minh số tiền hoa lợi mà ông H1 có được từ việc chiếm dụng đất của bà trong thời gian từ năm 1990 đến năm 2023 là 165.710.000 đồng.

[2.2.4] Đồng thời, tại dòng thứ 11 từ trên xuống trang 10 của Bản án dân sự phúc thẩm số 61/2023/DS-PT ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có nội dung nhận định “*Ông Tr (cha ông H1) đã có công bồi đắp, cải tạo làm tăng giá trị phần đất tranh chấp và quá trình sử dụng đất vợ chồng ông Phạm Minh H1 và bà Trần Bạch N1 cũng có công bồi đắp, cải tạo làm tăng giá trị phần đất tranh chấp như hiện nay nên cần phải xem xét đến công sức bồi đắp, cải tạo đất của gia đình ông H1. Cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho Phạm Minh H1 và bà Trần Bạch N1 công cải tạo đất là có cơ sở, tuy nhiên quyết định tỉ lệ 1/2 giá trị quyền sử dụng đất là 163.320.000 đồng là chưa phù hợp bởi lẽ mặc dù gia đình ông H1 cũng có công sức bồi đắp làm tăng giá trị đất nhưng vợ chồng ông H1 cũng đã hưởng phần hoa lợi trong suốt quá trình sử dụng đất nên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần công sức cải tạo đất cho ông H1 với tỉ lệ 1/4 giá trị quyền sử dụng đất tương đương số tiền 81.660.000 đồng.*”. Như vậy, mặc dù cấp phúc thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K (chồng bà H) về việc yêu cầu ông H1 bồi thường hoa lợi với số tiền 180.000.000 đồng nhưng khi xem xét công cải tạo, bồi đắp của phía ông H1 thì đã xem xét đến việc ông H1 được hưởng phần hoa lợi trên đất trong suốt quá trình chiếm dụng đất nên chỉ buộc bà H thanh toán một phần chứ không phải toàn bộ công bồi đắp, cải tạo đất cho ông H1.

[2.2.5] Sau khi xét xử phúc thẩm, các bên đương sự đã tự nguyện thi hành xong bản án phúc thẩm, phía bà H cũng như các con bà H không khiếu nại hay yêu cầu giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 61/2023/DS-PT ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Vì vậy, có căn cứ cho rằng bà H và các con bà H đồng tình với toàn bộ nội dung bản án phúc thẩm số 61/2023/DS-PT ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[2.6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với ông H1 về việc yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền hoa lợi là 165.710.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.285.500 đồng. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí. Ông H1 không phải chịu án phí.

[4] Về ý kiến phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 45; Điều 147; Điều 217; Điều 218; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 181, 579, 581 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông Phạm Minh H1 hoàn trả số hoa lợi là 165.710.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông Phạm Minh H1 hoàn trả số hoa lợi là 117.490.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.285.500 đồng. Bà Trần Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

4. Về quyền thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm, công khai, các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Thu**



